

Bản án số: **295/2025/HC-PT**

Ngày: 23/4/2025.

*“V/v: Khiếu kiện hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Ngô Quang Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 32/2025/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 69/2024/HC-ST ngày 17 tháng 07 năm 2024 của Tòa án nhân dân Tỉnh Hưng Yên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2989/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trịnh Chí Q, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Lê Thị Mai N, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, Phường N, quận L, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện V. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện V;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện V. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Hoa C1 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã X. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Công ty Cổ phần T2;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công H - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần T2; địa chỉ: Khu đô thị T - xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.4. Bà Phan Thị C2, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

3.5. Anh Trịnh Chí H1, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

3.6. Anh Trịnh Quốc T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

3.7. Chị Trịnh Thị Q1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, Hưng Yên;

Người đại diện theo ủy quyền của bà C2, Chị H1, anh T1, chị Q1: Ông Trịnh Chí Q (người khởi kiện). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Theo Biên bản giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình năm 1998 thể hiện hộ gia đình ông Trịnh Chí Q có 05 nhân khẩu được UBND huyện V giao 2.412m² đất để sản xuất nông nghiệp tại địa bàn xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, gồm: Ông Trịnh Chí Q, bà Phan Thị C2, anh Trịnh Chí H1, anh Trịnh Quốc T1 và chị Trịnh Thị Q1. Gia đình ông đã bị thu hồi đất nông nghiệp tại các xứ đồng gồm: Thị Đầm (diện tích 81m²), D (diện tích 90m²), Đ (diện tích 288m²), Đ (diện tích 424,8m²).

Ngày 24/04/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã chỉ đạo, tổ chức cưỡng chế thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình ông tại các xứ đồng: Thị Đ (81m²) và D (90m²) để giao cho Công ty Cổ phần T2 (*trước đây là Công ty cổ phần Đ1 - V*) là chủ đầu tư dự án E. Ông cho rằng diện tích 90m² tại xứ đồng Dinh (90m²) nằm ngoài dự án nhưng vẫn bị UBND huyện V cưỡng chế thu hồi trái pháp luật. Đối với xứ đồng Sở (288m²) và Đồng Dặm (424,8m²) thì gia đình ông đã di dời tài sản tài sản do bị cưỡng chế trong đợt 1 từ ngày 08/01/2009, thửa đất này không nằm trong phạm vi bị cưỡng chế ngày 24/04/2012.

Hành vi chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V đã vi phạm các quy định của pháp luật đất đai, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông vì các lý do sau đây:

- Dự án Ecopark Văn G không chứng minh được lý do thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 39 Luật Đất đai 2003.

- Tại thời điểm cưỡng chế thu hồi đất, Chủ tịch UBND huyện V chưa đủ căn cứ pháp lý về văn bản phê duyệt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, không có Thông báo thu hồi đất, không ra quyết định thu hồi đất hoặc quyết định cưỡng chế thu hồi đất; không xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. UBND xã không niêm yết quyết định cưỡng chế thu hồi đất tại trụ sở UBND xã theo quy định.

- Chủ tịch UBND huyện V chỉ đạo tổ chức cưỡng chế thu hồi đất mà không bàn bạc với các hộ có đất bị thu hồi và Hội đồng nhân dân các cấp là trái pháp luật.

Ông Trịnh Chí Q khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

- Tuyên bố hành vi cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V là trái quy định pháp luật;

- Yêu cầu Công ty cổ phần T2 ngừng ngay hoạt động thi công và hoàn trả tài sản đất đai đã được bàn giao do hành vi cưỡng chế ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện V trình bày:

- Về chủ trương đầu tư: Dự án Khu đô thị T được triển khai theo các Quyết định:

Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi 5.540.712m² đất tại các xã X, P, C, L, T, thị trấn V thuộc huyện V; các xã H, Y, Y thuộc huyện Y và các xã Đ, T, D thuộc huyện K, tỉnh Hưng Yên; giao toàn bộ diện tích đất thu hồi cho Chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ cầu T đi thị xã H đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng;

Quyết định 2549/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh H về việc thu hồi diện tích 4.990.706m² đất theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ tại các xã X, C, Phụng C3 và thị trấn V. Giao toàn bộ diện tích đất cho Công ty cổ phần Đ1 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị T dịch vụ và du lịch V, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng; trong đó phần diện tích thu hồi tại xã X 1.219.348m²;

Quyết định số 2550/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh H về việc thu hồi 550.006m² đất theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ tại các xã X, C, Phụng C3 và thị trấn V; giao 541.133m² đất cho Công ty cổ phần Đ1 để xây dựng đường từ cầu T đi thị xã H đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K và 8.873m² đất để làm mương thủy lợi mới theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng.

Ngày 08/6/2005, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 2006/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, giao đất cho Công ty Cổ phần Đ1, để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Đô thị -, địa phận xã X, huyện V. Trong đó có nội dung bồi thường đất nông nghiệp cho các hộ dân là 466.605,82m² x 43.425 đồng/m².

- Về công tác giải phóng mặt bằng:

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V đã tiến hành kiểm kê, lập phương án trình UBND huyện V ban hành quyết định phê duyệt, tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường để người dân được biết và kiểm tra, tổ chức chi trả cho các hộ tự nguyện nhận tiền và bàn giao mặt bằng, chuyển tiền vào Ngân hàng đối với các hộ chưa nhận tiền theo Công văn số 781/CV-STC ngày 29/9/2008 của Sở Tài chính tỉnh H.

Tổng số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng tính đến trước thời điểm thực hiện việc cưỡng chế là 1.560 hộ/1.720 hộ; tổng số hộ gia đình còn lại không nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và không bàn giao mặt bằng tính đến trước thời điểm thực hiện cưỡng chế: 160 hộ. Diện tích phải cưỡng chế khoảng 5,86ha. Tính đến thời điểm hiện nay, số hộ gia đình đã nhận tiền giải phóng mặt bằng: 1.623 hộ/1.720 hộ. Số hộ gia đình không nhận tiền giải phóng mặt bằng là 97 hộ, trong đó có hộ gia đình ông Trịnh Chí Q.

- Về công tác tuyên truyền, vận động: Huyện ủy, UBND huyện V và UBND xã X đã tổ chức rất nhiều hội nghị họp dân và đối thoại để tuyên truyền, vận động, giải thích, thuyết phục các hộ dân ủng hộ dự án; phổ biến chính sách bồi thường, hỗ trợ GPMB cùng các khoản hỗ trợ của chủ đầu tư nhằm đảm bảo lợi ích cho người có đất bị thu hồi, phát cho từng hộ dân bộ tài liệu tuyên truyền.

- Về công tác tổ chức cưỡng chế: Việc hộ gia đình ông Trịnh Chí Q không thực hiện quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền: Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2549/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh H; không thực hiện việc nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, không chấp hành việc di chuyển cây cối, hoa màu và các loại tài sản trên đất để thực hiện dự án theo thông báo số 34/TB-HĐBT ngày 23/11/2011 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V là có hành vi vi phạm hành chính về pháp luật đất đai quy định tại khoản 1 Điều 17 của Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai do: “*Không trả lại đất đúng thời hạn theo Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”.

Ngày 05/12/2011, đại diện HĐND, UBND xã X và cơ sở thôn đã lập biên bản bàn giao đất với hộ gia đình ông Q. Theo đó, hộ gia đình ông Q phải tiến hành bàn giao các thửa đất thu hồi vào dự án khu đô thị thuộc địa phận xã X, các xứ đồng gồm: Thì Đ và D có diện tích ($81m^2 + 90m^2$). Tuy nhiên, hộ gia đình ông Q không ký biên bản bàn giao đất.

Ngày 12/12/2011, UBND xã X lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Q với hành vi không trả lại đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cùng ngày 12/12/2011, Tổ công tác thôn đã tiến hành giao biên bản vi phạm hành chính nhưng ông Q không ký biên bản.

Ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V (ủy quyền cho ông Chu Quốc H2 - Phó Chủ tịch UBND huyện theo văn bản ủy quyền ngày 02/12/2011) đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5449/QĐ-XPHC đối với ông Trịnh Chí Q (Cúc) vì đã có hành vi không thực hiện việc giải tỏa tài sản trên

đất, bàn giao đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất và thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 39, Điều 40 Luật Đất đai 2003 sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Hình thức xử phạt là phạt tiền với mức phạt là 1.000.000 đồng; yêu cầu ông Trịnh Chí Q phải di chuyển cây cối, hoa màu, các loại tài sản trên đất để bàn giao lại đất đúng thời hạn. Thời hạn nộp phạt là 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt. Nếu quá thời hạn mà người bị xử phạt không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành và phải chịu mọi chi phí cho việc tổ chức cưỡng chế. Ngày 15/12/2011, Tổ công tác thôn đã đến nhà giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng ông Q không hợp tác và không ký biên bản.

Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V đã ban hành Quyết định số 588/QĐ-CCK về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp cưỡng chế khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trịnh Chí Q; lý do cưỡng chế: Không thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Địa điểm thực hiện cưỡng chế: Xứ đồng Thỉ Đàm tại xã X, huyện V. Biện pháp cưỡng chế: Giải tỏa mặt bằng trên thực địa để bàn giao đất theo các quyết định và thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian thực hiện cưỡng chế: Từ ngày 20/4/2012. Cùng ngày 05/4/2012, Tổ công tác thôn đã đến gia đình để giao quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác cho ông Q nhưng ông Q không hợp tác.

Ngày 23/4/2012, UBND huyện V ban hành Thông báo số 43/TB-UBND về việc tổ chức hỗ trợ thi công và cưỡng chế bàn giao đất thuộc địa phận xã X để thực hiện dự án Khu Đô thị -.

Ngày 24/4/2012, UBND huyện V tổ chức thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa; kết quả cưỡng chế được lập thành biên bản và gửi cho hộ gia đình nhưng hộ gia đình không hợp tác.

Người bị kiện xác định thẩm quyền, trình tự thủ tục, căn cứ ban hành các quyết định hành chính có liên quan (quyết định thu hồi đất, quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai) là phù hợp với quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Căn cứ các quy định của pháp luật về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai; sau khi rà soát, đối chiếu với các văn bản thuộc hồ sơ cưỡng chế và trình tự các bước thực hiện cưỡng chế nêu trên, Chủ tịch UBND huyện tổ chức cưỡng chế thu hồi đất ngày 24/4/2012 đối với người khởi kiện là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- UBND huyện V, tỉnh Hưng Yên thống nhất quan điểm, đề nghị của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện V, không bổ sung nội dung nào khác.

- UBND xã X, huyện V có quan điểm xác định việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện V đối với hộ gia đình người khởi kiện đã bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- Công ty Cổ phần T2 trình bày: Toàn bộ dự án của Công ty được nhà nước giao đất là đúng quy định của pháp luật, do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Chí Q.

- Các thành viên hộ gia đình có đất bị thu hồi đều thống nhất với yêu cầu của người khởi kiện, không ai có ý kiến khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 69/2024/HC-ST ngày 17/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

1. Căn cứ:

- Khoản 3, khoản 4, khoản 8, khoản 9 và khoản 10 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 60, Điều 115, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

- Điều 23 Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 2001;

- Điều 39, 40, 44 Luật Đất đai năm 2003;

- Điều 20, 55, 56, 66, 67 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002, sửa đổi, bổ sung năm 2008;

- Điều 4, 5, 17, 25 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Điều 4, 6, 7, 8, 9 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Chí Q về việc yêu cầu Tòa án tuyên hành vi tổ chức cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V đối với hộ gia đình ông là trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, người khởi kiện kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc Công ty Cổ phần T2 (Trước đây là Công ty cổ phần Đ1) hoàn trả lại toàn bộ diện tích đất đã được UBND huyện V giao cho gia đình trước đây.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Bác kháng cáo của ông Trịnh Chí Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trịnh Chí Q nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 205, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa chỉ có mặt người khởi kiện; người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đối tượng khởi kiện, tư cách đương sự, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 2 Điều 116 và khoản 3, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính; xác định đúng và đủ các đương sự trong vụ án. Đối với yêu cầu của ông Trịnh Chí Q đề nghị Tòa án buộc Công ty Cổ phần T2 phải ngừng ngay việc thi công và trả lại quyền sử dụng đất cho người khởi kiện không phải là hành vi hành chính thuộc thẩm quyền theo loại việc của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định không phải đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và không giải quyết là đúng.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 24/4/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V tổ chức cưỡng chế, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hộ gia đình vi phạm trên thực địa. Ngày 22/3/2013, hộ gia đình có đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân huyện Văn Giang là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện. Năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang chuyển đơn và tài liệu của vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên giải quyết là đúng về thẩm quyền, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn giải quyết đơn. Sau khi nhận được đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã yêu cầu đương sự bổ sung tài liệu, chứng cứ, nhưng do vụ án có liên quan đến trên 100 hộ dân cùng khởi kiện và có nhiều đương sự ở nhiều nơi, đòi hỏi người khởi kiện cần nhiều thời gian thu thập tài liệu để giao nộp cho Tòa án. Ngoài ra, quá trình giải quyết đơn còn gặp trở ngại khách quan do dịch bệnh Covid19, khiến cho mọi hoạt động giữa Tòa án và đương sự đều bị gián đoạn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định các trở ngại nêu trên là do khách quan nên không tính vào thời hiệu khởi kiện theo quy

định tại khoản 4 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính, xác định vụ án còn thời hiệu để giải quyết và đảm bảo quyền khởi kiện của đương sự.

[5] Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đồng thời xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính có liên quan đến hành vi hành chính bị kiện như: Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/06/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi 5.540.712m² đất tại các xã X, P, C, L, T, thị trấn V thuộc huyện V; các xã H, Y, Y thuộc huyện Y và các xã Đ, T, D thuộc huyện K, tỉnh Hưng Yên; giao toàn bộ diện tích đất thu hồi cho chủ đầu tư để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ cầu T đi thị xã H đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng (*Viết tắt: Quyết định số 742/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*); Quyết định số 2549/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh H về việc thu hồi 4.990.706m² đất theo Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 30/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ tại các xã X, C, Phụng C3 và thị trấn V; giao toàn bộ diện tích đất cho Công ty cổ phần Đ1 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị T, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng, phần diện tích thu hồi tại xã X 1.219.348m² (*Viết tắt: Quyết định số 2549/QĐ-UB ngày 21/10/2004 của UBND tỉnh H*); Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 5449/QĐ-XPHC ngày 13/12/2011 và Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 588/QĐ-CCK ngày 05/04/2012 đều của Chủ tịch UBND huyện V là đúng quy định tại khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 3 Điều 191 Luật Tổ tụng hành chính.

[6] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Trịnh Chí Q, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất cho chủ đầu tư:

Tại Quyết định số 742/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ có nội dung: Thu hồi 5.540.712m² đất tại các địa phương thuộc tỉnh Hưng Yên, trong đó có diện tích 1.292.618m² thuộc xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên để giao cho chủ đầu tư thực hiện dự án xây dựng tuyến đường từ cầu T đi thị xã H đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội là đúng thẩm quyền được quy định tại quy định tại Điều 23 Luật Đất đai năm 1993, sửa đổi, bổ sung năm 2001 và quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 66/NĐ - CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 04/NĐ - CP ngày 11/2/2000 của Chính phủ.

Thực hiện Quyết định số 742/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 21/10/2004, UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 2549/QĐ-UB về việc thu hồi 4.990.706m² đất tại các xã X, C, P và thị trấn V, trong đó có diện tích 1.292.618m² thuộc xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên; giao toàn bộ diện tích đất cho Công ty cổ phần Đ1 để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Thương mại - Dịch vụ và Du lịch V, tỉnh Hưng Yên theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và Quyết định số 2550/QĐ-UB về việc thu hồi 550.006m² đất tại các xã X, C, Phụng C3 và thị

trần V; giao 541.133m² đất cho Công ty cổ phần Đ1 để xây dựng đường từ cầu T đi thị xã H đoạn từ huyện V đến xã D, huyện K và 8.873m² đất để làm nương thủy lợi mới theo phương thức sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 và Quyết định số 742/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

[6.2] Về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; thông báo chủ trương, phương án đến các hộ dân.

Ngày 08/6/2005, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 2006/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, giao đất cho Công ty Cổ phần Đ1, để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Đô thị -, địa phận xã X, huyện V. Trong đó có nội dung bồi thường đất nông nghiệp cho các hộ dân với tổng diện tích 466.605,82m², đơn giá 43.425đ/m².

Ngày 06/8/2007, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 1331/QĐ-UB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại xã X, huyện V để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Đô thị - (đợt 5). Tổng cộng có 141 hộ được nhận tiền bồi thường.

Ngày 29/9/2008, UBND huyện V ban hành Quyết định số 2788/QĐ-UBND, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ thuộc diện kiểm kê bắt buộc khi Nhà nước thu hồi đất tại xã X, huyện V, để thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị T. Diện tích đất bị thu hồi được xác định theo quyết định này là 194.416,31m²; tổng số hộ dân có đất thu hồi được bồi thường là 304 hộ.

UBND xã X tổ chức niêm yết công khai phương án bồi thường để người dân được biết và kiểm tra, tổ chức chi trả cho các hộ tự nguyện nhận tiền và bàn giao mặt bằng, đối với các hộ chưa nhận tiền thì chuyển tiền vào Ngân hàng . Kết quả thực hiện giải phóng mặt bằng thể hiện, số hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng là 1.623 hộ/1.720 hộ, số hộ gia đình không nhận tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng là 97 hộ. Tại các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của UBND tỉnh H và UBND huyện V đều có phụ lục kèm theo là danh sách các hộ dân của xã X có đất bị thu hồi, trong đó thể hiện cụ thể diện tích đất của từng hộ bị thu hồi và số tiền được bồi thường và được niêm yết công khai trong khu dân cư.

[6.3] Như vậy, UBND tỉnh H, UBND huyện V và UBND xã X đã thực hiện đúng quy định của pháp luật đất đai về thẩm quyền, trình tự, thủ tục phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và tổ chức chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân có đất bị thu hồi tại xã X, huyện V theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

[6.4] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 13/12/2011 của Chủ tịch UBND huyện V; Quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai ngày 05/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V và hành vi tổ chức hỗ trợ thi công

và cưỡng chế bàn giao đất thuộc địa phận xã X, huyện V ngày 24/4/2012 của Chủ tịch UBND huyện V để thực hiện dự án khu Đô thị -.

Ngày 22/11/2011, UBND huyện V ban hành Kế hoạch số 34/KH-UBND tổ chức bàn giao đất ngoài thực địa tại xã X để thực hiện dự án khu Đô thị -. Ngày 23/11/2011, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V ban hành Thông báo số 34/TB-HĐBT về việc di chuyển cây cối, hoa màu và các loại tài sản trên đất để thực hiện dự án. Các Thông báo này được phát trên hệ thống loa truyền thanh, được niêm yết tại trụ sở UBND xã X và Nhà văn hóa các thôn, được chứng minh bằng Biên bản làm việc ngày 01/12/2011. Theo nội dung của Thông báo số 34/TB-HĐBT, đối với các hộ đã nhận tiền bồi thường, đã cam kết bàn giao mặt bằng thì trong 30 ngày kể từ ngày thông báo phải hoàn thành việc di chuyển cây cối, hoa màu; đối với những hộ chưa nhận tiền bồi thường, thời gian tự nguyện di chuyển xong trước trước ngày 05/12/2011.

Ngày 28/11/2011, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện V ban hành Kế hoạch số 35/KH-HĐ về tổ chức thực hiện việc bàn giao đất ngoài thực địa tại xã X để thực hiện dự án khu Đô thị -.

Ngày 05/12/2011, Tổ công tác của UBND xã X đề nghị các hộ gia đình chưa nhận tiền bồi thường, chưa bàn giao đất ký biên bản bàn giao đất để thực hiện dự án, nhưng hộ gia đình ông Q không ký biên bản.

Do hộ gia đình ông Q không giao đất theo đúng thời hạn theo Thông báo số 34/TB-HĐBT, nên ngày 12/12/2011, UBND xã X đã lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với người khởi kiện do đã có hành vi vi phạm hành chính là không trả lại đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, ông Q không ký biên bản vi phạm và từ chối nhận biên bản vi phạm.

Ngày 13/12/2011, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với một số hộ dân của xã X, trong đó có hộ gia đình ông Q do đã có hành vi vi phạm không thực hiện việc giải tỏa tài sản trên đất, bàn giao đất đúng thời hạn theo quyết định thu hồi đất và thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đã vi phạm quy định tại Điều 39, 40 Luật Đất đai năm 2003, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Theo các quyết định xử phạt vi phạm hành chính này thì người vi phạm ngoài việc phải chịu hình thức xử phạt tiền, còn buộc phải di chuyển cây cối, hoa màu, các loại tài sản khác trên đất để bàn giao đúng thời hạn. Thời hạn người vi phạm thực hiện quyết định hành chính là 10 ngày, kể từ ngày được giao quyết định, quá thời hạn mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế. Ông Q đã được tổ công tác của UBND xã X giao trực tiếp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng từ chối, không nhận văn bản.

Như vậy, việc người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hộ gia đình ông Q là có căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định tại các Điều 20, 55, 56 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và Điều 39, 40 Luật Đất đai năm 2003, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 17 Nghị định số 105/2009/NĐ-

CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 05/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V ban hành các Quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng các biện pháp khác để thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với các hộ dân của xã X đã không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong đó có hộ gia đình của người khởi kiện. Theo nội dung của các Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì địa điểm cưỡng chế tại các xứ đồng của xã X, biện pháp cưỡng chế là giải tỏa mặt bằng trên thực địa để bàn giao đất theo các quyết định và thông báo của cơ quan nhà nước, thời gian cưỡng chế từ ngày 20/4/2012. Các hộ gia đình thuộc đối tượng bị cưỡng chế, trong đó có hộ gia đình ông Q được tổ công tác của UBND xã X giao trực tiếp Quyết định cưỡng chế nhưng đã từ chối nhận văn bản.

Ngày 19/4/2012, UBND huyện V ban hành Thông báo số 41/TB-UBND về việc tổ chức hỗ trợ thi công và cưỡng chế bàn giao đất thuộc địa phận xã X để thực hiện dự án khu Đô thị -.

Ngày 23/4/2012, UBND huyện V ban hành Thông báo số 43/TB-UBND về việc tổ chức hỗ trợ thi công và cưỡng chế bàn giao đất thuộc địa phận xã X để thực hiện dự án khu Đô thị -.

Ngày 24/4/2012, Chủ tịch UBND huyện V tổ chức thực hiện cưỡng chế ngoài thực địa. Kết quả cưỡng chế được lập thành biên bản và gửi cho hộ gia đình nhưng hộ gia đình không hợp tác. Cùng ngày, đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H, UBND huyện V và UBND xã X đã ký Biên bản bàn giao đất (mặt bằng thi công) cho Chủ đầu tư sau khi hoàn thành xong cưỡng chế (có Biên bản bàn giao đất).

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 05/4/2012 và tổ chức cưỡng chế giải phóng mặt bằng, hỗ trợ thi công ngày 22/4/2012 là có căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định tại Điều 66, 67 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Điều 4, 6, 7, 8, 9 Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18/3/2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[7] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Chí Q là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ nào mới. Vì vậy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc bác kháng cáo của ông Q, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trịnh Chí Q sinh năm 1960, căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

1. Bác kháng cáo của ông Trịnh Chí Q.
 2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 69/2024/HC-ST ngày 17/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.
 3. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Trịnh Chí Q.
- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, PHCTP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh